TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC S
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 3 - 2023.
V/v: tranh chấp
Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC S, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dần

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ơn và ông Bùi Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình *tham gia phiên toà:* Ông Trần Tú Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số: 04/2023/QĐ-ST, ngày 15/3/2023 của TAND huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn Quách Thị T, sinh năm 1987; Nơi cư trú: xóm T, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt

- Bị đơn Bùi Văn S, sinh năm 1982; Nơi cư trú: xóm T, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn Quách Thị T trình bày: chị kết hôn với anh Bùi Văn S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Đạo, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 26/11/2010. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về cùng chung sống tại xóm T, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình thời gian đầu hạnh phúc, hòa thuận. Đến năm 2016 do kinh tế gia đình khó khăn nên anh S phải ra Hà Nội làm thuê kiếm tiền và cũng từ đó tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh S không gửi tiền về cho chị T nuôi con ăn học và vợ chồng cũng không liên

lạc với nhau, thi thoảng anh S có về thăm con vài ngày rồi lại đi. Bản thân chị T cũng khuyên bảo anh S nhiều lần nhưng không được; hiện vợ chồng đã ly thân nhau, nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạc S giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn S.

Về con chung: chị T và anh S sinh được hai con chung, con lớn tên Bùi Đăng Hoàn, sinh ngày 24/6/2012; con nhỏ tên Bùi Đăng D, sinh ngày 11/3/2014. Hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả hai con. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con cho đến khi các cháu khôn lớn, trưởng thành

Chị T chưa có yêu anh S đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không cóntài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có

Bị đơn Bùi Văn S: Vắng mặt và cũng không có văn bản nào thể hiện quan điểm, ý kiến của anh S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc S tham gia phiên tòa, kiểm sát viên Trần Tú Giang phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến trực tiếp tại phiên tòa nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Quách Thị T và anh Bùi Văn S thực sự đã mâu thuẫn trầm trọng; vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nữa; đời sống chung không thể tiếp tục; mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh S. Về con chung hiện cả hai cháu Bùi Đăng Hoàn và cháu Bùi Đăng D đang sống ổn định với chị T, bản thân chị T chăm lo cho các cháu tốt, các cháu đều khỏe mạnh và an học đầy đủ, có nơi sinh sống ổn định; bản thân 02 cháu đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là chị Quách Thị T hơn nữa bản thân anh S đã từ lâu không có trách nhiệm gì đối với hai cháu nên đề nghị HĐXX xem xét giao con cháu Bùi Đăng Hoàn và cháu Bùi Đăng D cho chị Quách Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn Bùi Văn S, sinh Nơi cư trú: xóm T, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc S thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tống đạt đầy đủ các văn bản cho các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên vắng mặt bị đơn, đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 BLTTDS. Bị đơn anh Bùi Văn S đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo thủ tục chung.

[1] *Về quan hệ hôn nhân* : Quan hệ hôn nhân giữa chị Quách Thị T và anh Bùi Văn S kết hôn với nhau là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị T và anh S được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị T và anh S có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do anh S không có trách nhiệm với vợ con, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ chồng đã phải sống ly thân nhau thời gian dài và trong thời gian ly thân, chị T anh S cũng không quan tâm đến nhau nữa mà bỏ mặc ai sống thế nào cũng được. Như vậy, thể hiện mâu thuẫn gia đình chị T và anh S đã là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được; đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Quách Thị T đối với anh Bùi Văn S là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và cần chấp nhận.

[3] ***Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung***: Chị T và anh S có 02 con chung tên là Bùi Đăng Hoàn, sinh ngày 24/6/2012 và cháu Bùi Đăng D, sinh ngày 11/3/2014 hiện tại cả hai cháu đều đang sinh sống ổn định cùng chị T. Khi ly hôn, chị T có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu đến khi khôn lớn, trưởng thành. Đồng thời bản thân hai cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng mẹ.

Xét điều kiện nuôi con:

Chị T Có thu nhập và có nhà ở ổn định, có đủ tư cách đạo đức, chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng – Pháp luật nhà nước.

Anh S vắng mặt tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án dù tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh S vẫn không có mặt và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý trí, nguyện vọng đối với các yêu cầu của chị T nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

Xét nguyện vọng của trẻ trên 7 tuổi: Cả hai cháu Hoàn và Dũng đều trình bày nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ là Quách Thị T. Nhận thấy, nguyện vọng của hai cháu là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên HĐXX nhận thấy cần tiếp tục giao 02 cháu Bùi Đăng Hoàn và Bùi Đăng D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định Pháp luật và bảo đảm quyền và lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, xét đây là ý kiến tự nguyện của chị T và không ảnh hưởng đến việc nuôi con nên Hội đồng xét xử chưa xét. Chị Bùi Thị T vẫn có quyền yêu cầu anh S cấp dưỡng trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh S có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị T đều trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về nợ chung của vợ chồng: Xác định không có.

[6] Án phí: Nguyên đơn Quách Thị T thuộc hộ nghèo, cận nghèo và sinh sống ở vùng đặc biệt của huyện vì vậy xét miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Quách Thị T. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 235; 271; 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị T về việc xin ly hôn; cho chị Quách Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Đăng Hoàn, sinh ngày 24/6/2012 và cháu Bùi Đăng D, sinh ngày 11/3/2014 cho chị Quách Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Hoàn và cháu Dũng đủ tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi)

Anh Bùi Văn S chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị T chưa có yêu cầu. Anh S có quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Anh S không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trang.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Xác nhận không có.

4. Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Quách Thị T.

5. Quyền kháng cáo Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc S;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc S;
- UBND xã Nhân Đạo – Sông Lô – Vĩnh Phúc;
(Nơi đăng ký kết hôn ngày 26/11/2010.)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Lò Văn Dần